TỘI CHỨA CHẤP HOẶC TIÊU THỤ TÀI SẢN DO NGƯỜI KHÁC PHẠM TỘI MÀ CÓ - LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

LÊ HUY BÌNH
Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ Cao

Nhận bài ngày 27/6/2025. Sửa chữa xong 03/7/2025. Duyệt đăng 08/7/2025.

Abstract

The offense of harboring or consuming property acquired through the commission of a crime by another person, as stipulated in Article 323 of the 2015 Penal Code (amended and supplemented in 2017), constitutes an indirect form of assistance to property-related crimes such as theft, robbery, fraud, and embezzlement. The strict legal handling of such acts reflects the principles of the rule of law, equality before the law, and the protection of human rights. Based on an analysis of the constituent elements of this offense, along with shortcomings in current legal provisions and their practical application, this article proposes legal reforms aimed at enhancing the effectiveness of efforts to combat this crime, thereby contributing to the maintenance of social order.

Keywords: *Harboring property, consuming property, property crime, Article 323 Penal Code.*

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có không chỉ gia tăng về số lượng mà còn trở nên tinh vi, khó kiểm soát. Chính những hành vi "chứa chấp" và "tiêu thụ" lại trở thành động lực "kích thích trước" cho các tội phạm như trộm cắp, cướp giật, lừa đảo… tiếp tục tái diễn. Không chỉ làm suy yếu hiệu lực răn đe của pháp luật, còn gây hệ lụy sâu rộng đến an ninh trật tự và làm gia tăng khó khăn trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Vì vậy, việc nhận diện đúng bản chất pháp lý, xử lý hiệu quả và hoàn thiện hành lang pháp lý liên quan đến tội danh này đang trở thành một yêu cầu cấp thiết trong tiến trình cải cách tư pháp hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quy định của Bộ luật Hình sự về tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có

Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có được quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 (sau đây gọi là Bộ luật Hình sự), trên cơ sở kế thừa quy định tại Điều 250 Bộ luật Hình sự 1999. Theo đó: *"Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000* đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến *03 năm".* Để hiểu rõ bản chất và điều kiện truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi này, cần phân tích đầy đủ các yếu tố cấu thành tội phạm theo quy định của pháp luật.

2.1.1. Khách thể

Khách thể của tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là các quan hệ xã hội liên quan đến trật tự công cộng và trật tự quản lý tài sản, vốn được pháp luật hình sự bảo vệ. Theo quy định tại Điều 8 Bộ luật Hình sự, thì đây là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm nghiêm trọng đến trật tự xã hội thông qua việc tiếp tay cho các hành vi chiếm đoạt tài sản, góp phần gây rối loạn, mất ổn định kỷ cương chung. Vì vậy, hành vi này được xếp vào Mục 4 - Các tội phạm khác xâm phạm trật tự công cộng, thuộc Chương XXI về các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng trong Bộ luật Hình sự. Đối tượng tác động của tội phạm này chính là tài sản do người khác phạm tội mà có, và

phải là tài sản được hình thành từ hành vi phạm tội như: trộm cắp, cướp giật, nhận hối lộ, hoặc các tội chiếm đoạt khác. Tuy nhiên, cần lưu ý đến việc không phải mọi tài sản đều là đối tượng tác động của tội phạm này, mà chỉ giới hạn ở tài sản có nguồn gốc từ hành vi phạm tội và người thực hiện hành vi chứa chấp hoặc tiêu thụ phải biết rõ nguồn gốc bất hợp pháp của tài sản thì mới cấu thành tội phạm theo quy định của Bộ luật Hình sự.

2.1.2. Chủ thể

Chủ thể của tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nói riêng phải đạt độ tuổi theo luật định và đã thực hiện hành vi bị Bộ luật Hình sự coi là tội phạm. Theo quy định tại Điều 12 và Điều 9 Bộ luật Hình sự thì người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có đối với trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng theo khoản 3 và 4 Điều 323 Bộ luật Hình sự; người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có thuộc bất cứ khoản nào theo quy định tại Điều 323. Như vậy, tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có không đòi hỏi phải là chủ thể đặc biệt. Điều quan trọng là người phạm tội phải nhận thức rõ ràng về nguồn gốc bất hợp pháp của tài sản, nghĩa là biết rõ đó là tài sản có được do hành vi phạm tội nhưng vẫn cố ý thực hiện hành cất giấu, sử dụng, tiêu thụ, chuyển nhượng hành vi này thể hiện lỗi cố ý trực tiếp, đây là đặc trưng của loại tội phạm này. Hay nói cách khác, để một người bị coi là chủ thể của tội thì ý thức chủ thể về nguồn gốc tài sản và mục đích vụ lợi là điều kiện không thể thiếu [1, tr. 135-136].

2.1.3. Mặt khách quan

Mặt khách quan của tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là những biểu hiện diễn ra hoặc tồn tại bên ngoài thế giới khách quan mà con người có thể trực tiếp nhận biết được. Đó là những hành vi khách quan nguy hiểm cho xã hội, hậu quả nguy hiểm cho xã hội cũng như mối quan hệ giữa hành vi và hậu quả, các điều kiện bên ngoài của viêc thực hiện các hành vi phạm tội như thời gian, địa điểm phạm tội, phương pháp, thủ đoạn thực hiện hành vi phạm tội,… Tổng hợp những biểu hiện trên tạo thành mặt khách quan của tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Theo tinh thần tại Thông tư liên tịch số 09/2011/TTLT-BCA-BQP-BTP-NHNNVN-VKSNDTC-TANDTC ngày 30/11/2011 hướng dẫn áp dụng Bộ luật Hình sự về tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, thì hành vi *chứa chấp tài sản là một trong các hành vi sau đây: cất giữ, che giấu, bảo quản tài sản; cho để nhờ, cho thuê địa điểm để cất giữ, che giấu, bảo quản tài sản đó".* Vậy đây là hành vi trực tiếp hoặc nhờ người khác cất giữ, che giấu, bảo quản tài sản và việc cất giữ, che giấu, bảo quản tài sản này có thể ở bất cứ địa điểm nào hoặc là hành vi tạo điều kiện giúp người phạm tội về địa điểm cất giấu, che giấu, bảo quản tài sản "cho để nhờ", "cho thuê địa điểm" và địa điểm đó có thể là tại nơi ở, nơi làm việc hoặc trong phương tiện giao thông của mình [2, tr. 21]. Hành vi *"tiêu thụ tài sản là một trong các hành vi sau đây: mua, bán, thuê, cho thuê, trao đổi, cầm cố, thế chấp, đặt cọc, ký gửi, cho, tặng, nhận tài sản hoặc giúp cho việc thực hiện các hành vi đó".* Đây là việc chuyển đổi tài sản do phạm tội mà có thành tài sản hợp pháp thông qua các hành vi mua, bán, thuê, cho thuê, trao đổi, cầm cố, thế chấp, đặt cọc, ký gửi, cho, tặng, nhận tài sản. Hoặc các hành vi tạo điều kiện để thực hiện các hành vi trên như giới thiệu để người khác mua, chuyển đổi tài sản đó… do chủ thể nhận chuyển giao (bên mua, bên được cho, được tặng,…) hoặc bên thứ ba. Mặt khách quan của tội này không yêu cầu hậu quả cụ thể xảy khi truy cứu trách nhiệm hình sự. Chỉ cần hành vi đã xảy ra đầy đủ các yếu tố cấu thành, thì tội phạm đã hoàn thành. Việc xác định hành vi cụ thể như tiêu thụ hàng hóa, cất giấu trong nhà nếu đi kèm với ý thức về nguồn gốc phạm pháp của tài sản đều đủ cơ sở để cấu thành tội này [3, tr. 410].

Thực tế, việc chứng minh yếu tố "biết rõ" là điểm phức tạp nhất trong mặt khách quan. Cơ quan tiến hành tố tụng cần thu thập nhiều căn cứ khác nhau như giá thị trường, thời điểm xảy ra hành vi vi phạm, nguồn gốc tài sản,… để xác định người mua hoặc chứa chấp đã có nhận thức được tài sản do phạm tội mà có hay không [4, tr. 469-471].

2.1.4. Mặt chủ quan

Mặt chủ quan của tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có bao gồm yếu tố lỗi, động cơ và mục đích của tội phạm. Trong đó, dấu hiệu lỗi là bắt buộc và có ý nghĩa trong việc xác định mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Trong tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, người phạm tội biết rõ nguồn gốc bất hợp pháp của tài sản nhưng vẫn tự nguyện tiếp nhận, tiêu thụ hoặc che giấu. Họ không bị cưỡng ép, mà hành vi xuất phát từ sự tự do ý chí, có thể lựa chọn cách xử sự khác như từ chối hoặc báo với cơ quan chức năng. Do đó, lỗi trong trường hợp này là lỗi cố ý trực tiếp theo khoản 1 Điều 10 Bộ luật Hình sự, tức là người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm, thấy trước và mong muốn hậu quả xảy ra. Động cơ và mục đích phạm tội không phải là dấu hiệu bắt buộc, không có ý nghĩa trong việc xác định tội phạm nhưng lại có ý nghĩa đối với việc xác định mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi tội phạm. Trên thực tế, động cơ của người phạm tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người phạm tội mà có, có thể là vì tư lợi cá nhân mà để tiêu thụ tài sản, hoặc do tham lam, cả nể, thương mại mà chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có. Cuối cùng, cần phân biệt rõ hành vi chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có với hành vi đồng phạm trong tội phạm nguồn. Nếu người tiếp nhận tài sản đã hứa hẹn trước khi hành vi chiếm đoạt xảy ra, thì họ bị coi là giúp sức trong đồng phạm, và không bị truy cứu trách nhiệm hình sự tại Điều 323. Đây cũng xem là ranh giới quan trọng về ý thức chủ quan trước và sau khi tội phạm nguồn được thực hiện [5, tr. 55-58].

Theo quy định tại Điều 323, người thực hiện hành vi chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có có thể bị xử lý hình sự với các mức phạt sau:

- *Khung 1:* Nếu đầy đủ yếu tố cấu thành tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

- *Khung 2:* Nếu thuộc trường hợp có tổ chức; có tính chất chuyên nghiệp; tài sản, vật phạm pháp trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng; thu lợi bất chính từ 20.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng; tái phạm nguy hiểm thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.

- *Khung 3:* Nếu thuộc trường hợp tài sản, vật phạm pháp trị giá từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng; thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng thì bị phạt tù từ 07 năm đến 10 năm.

- *Khung 4:* Nếu thuộc trường hợp tài sản, vật phạm pháp trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên; thu lợi bất chính 300.000.000 đồng trở lên thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm.

- *Hình phạt bổ sung:* Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Trong trường hợp hành vi chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm theo Điều 323 thì người vi phạm vẫn có thể bị xử phạt hành chính theo quy định Điều 15 Nghị định 144/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng chống tệ nạn xã hội; phòng cháy chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình, cụ thể: 1) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi mua, bán, cất giữ hoặc sử dụng tài sản mà biết rõ tài sản đó có nguồn gốc từ hành vi vi phạm pháp luật; 2) Trục xuất ra khỏi lãnh thổ Việt Nam nếu người vi phạm là người nước ngoài; 3) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được từ hành vi vi phạm.

2.2. Một số vướng mắc và giải pháp hoàn thiện

2.2.1. Về việc xác định dấu hiệu "biết rõ" trong cấu thành tội phạm

Thực tế cho thấy, việc chứng minh yếu tố "biết rõ" trong tâm lý người phạm tội là đặc biệt khó khăn bởi đây là yếu tố mang tính chủ quan, không dễ định lượng bằng chứng cứ khách quan. Trong nhiều trường hợp, người phạm tội không thừa nhận 'biết rõ', nhưng hành vi thực tế lại cho thấy họ hoàn toàn

có thể nhận thức được tính bất hợp pháp của tài sản nếu không cố tình làm ngơ [6, tr. 169]. Vấn đề trở nên nghiêm trọng hơn khi người vi phạm có thái độ mập mờ, "chỉ biết" hoặc "có thể biết" nhưng vẫn cất giữ, sử dụng hoặc giao dịch tài sản với giá trị lớn mà không cần xác minh nguồn gốc. Trong trường hợp này, nếu không thể chứng minh yếu tố "biết rõ", việc xử lý sẽ gặp khó khăn, gây nguy cơ bỏ lọt tội phạm và làm giảm tính răn đe của pháp luật. Vì vậy, cần thiết sửa đổi cụm từ "biết rõ là do người khác phạm tội mà có" thành "biết là do người khác phạm tội mà có" để phù hợp hơn với thực tiễn. Cách tiếp cận này tương thích với quan điểm trong khoa học luật hình sự rằng lỗi cố ý không nhất thiết phải là sự nhận thức đầy đủ tất cả các tình tiết, mà chỉ cần người phạm tội "nhận thức được rõ ràng hoặc có thể nhận thức được" về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi và hậu quả có thể xảy ra [7, tr. 229]. Ngoài ra, việc sửa đổi cũng sẽ giúp giảm tải gánh nặng chứng minh cho cơ quan điều tra trong bối cảnh nhiều hành vi vi phạm đang ngày càng tinh vi, có chủ đích "lách luật" nhằm né tránh trách nhiệm hình sự. Đồng thời, thay đổi này phù hợp với chủ trương lập pháp theo hướng "xác định đúng bản chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội" của hành vi vi phạm, như tinh thần tại Nghị quyết số 96/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội khóa XIV về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật, công tác của Viện kiểm sát nhân dân, của Tòa án nhân dân và công tác thi hành án.

2.2.2. Về hành vi chứa chấp và hành vi tiêu thụ do người khác phạm tội mà có

Khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Thông tư liên tịch số 09/2011/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP đã đưa ra liệt kê các hành vi cụ thể được xem là hành vi "chứa chấp" và "tiêu thụ" tài sản do người khác phạm tội mà có. Theo đó, hành vi chứa chấp bao gồm: cất giữ, che giấu, bảo quản tài sản; cho để nhờ, cho thuê địa điểm để thực hiện các hành vi nói trên. Hành vi tiêu thụ được hiểu là: mua, bán, thuê, cho thuê, trao đổi, cầm cố, thế chấp, đặt cọc, ký gửi, tặng, cho, nhận tài sản hoặc giúp người khác thực hiện các hành vi đó. Tuy nhiên, cách tiếp cận theo hướng "liệt kê đóng" và hướng dẫn Bộ luật Hình sự 1999 như vậy lại đặt ra những vướng mắc trong thực tiễn tố tụng, khi có nhiều hành vi tương tự phát sinh nhưng không nằm trong danh sách liệt kê nêu trên, dẫn đến khó khăn trong việc xử lý hình sự. Điều này đặc biệt rõ nét trong bối cảnh các phương thức cất giấu, hợp pháp hóa hoặc tiêu thụ tài sản bất hợp pháp ngày càng đa dạng và tinh vi, vượt ra ngoài khuôn khổ các hành vi được liệt kê. Do đó, để bảo đảm hiệu quả áp dụng pháp luật, đồng thời tạo cơ sở pháp lý thống nhất và linh hoạt hơn, cần thiết phải bổ sung định nghĩa pháp lý mang tính khái quát đối với hai hành vi "chứa chấp" và "tiêu thụ" tài sản do người khác phạm tội mà có trong văn bản hướng dẫn. Sau đó, việc liệt kê các dạng hành vi cụ thể chỉ nên mang tính minh họa, không giới hạn phạm vi xử lý. Có thể đề xuất định nghĩa theo hướng:

"1. Hành vi chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có là hành vi cất giấu tài sản hoặc tạo điều kiện cho việc cất giấu những tài sản do phạm tội mà có một cách trái phép với bất cứ mục đích gì khi được người phạm tội chuyển giao tài sản. Hành vi đó có thể là: cất giữ, che giấu, bảo quản tài sản; cho để nhờ, cho thuê địa điểm cất giữ, che giấu, bảo quản tài sản đó.

2. *Hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là hành vi trực tiếp thực hiện các giao dịch với người phạm tội hoặc nhận tài sản từ người phạm tội để thực hiện các giao dịch khác theo ý chí của người phạm tội. Hành vi đó có thể là mua, bán, thuê, cho thuê, trao đổi, cầm cố, thế chấp, đặc cọc, ký gửi, cho, tặng, nhận tài sản hoặc giúp cho việc thực hiện các hành vi đó..."*

Việc xây dựng định nghĩa theo hướng khái quát kết hợp với hệ thống ví dụ cụ thể sẽ bảo đảm tính linh hoạt trong áp dụng và phù hợp với yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm có yếu tố chuyển hóa tài sản bất hợp pháp trong thực tiễn hiện nay.

2.2.3. Về tài sản là đối tượng của tội chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có được quy định tại Thông tư liên tịch 09/2011/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP và Điều 163 Bộ luật Dân sự không thống nhất

Hiện nay, việc xác định tài sản là đối tượng của tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có thường được liệt kê, gồm: "vật, tiền, giấy tờ có giá, quyền tài sản…", bao gồm nhiều loại theo các tiêu chí như động sản, bất động sản, vật tiêu hao, vật không tiêu hao,... Cách liệt kê này vừa

trùng lặp (ví dụ "quyền tài sản" và các hình thức thể hiện nó), vừa không cần thiết đưa vào các khái niệm giải thích như "hoa lợi, lợi tức". Để khắc phục, nên quy định "tài sản là đối tượng của tội này" được xác định theo quy định Bộ luật Dân sự 2015. Cách quy định này vừa ngắn gọn, khoa học, vừa bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật và phản ánh đúng bản chất pháp lý của tài sản.

2.2.4. Về quy định "do người khác phạm tội mà có"

Quy định "do người khác phạm tội mà có" trong cấu thành tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản theo Điều 323 Bộ luật Hình sự đã và đang gây ra nhiều tranh luận trong thực tiễn áp dụng. Vấn đề đặt ra khi người thực hiện hành vi phạm tội để có được tài sản đó đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự hay chưa, và nếu chưa thì có thể coi tài sản ấy là "do người khác phạm tội mà có" hay không. Việc thiếu văn bản hướng dẫn cụ thể khiến việc xác định căn cứ xử lý trong một số vụ án còn thiếu thống nhất. Do đó, cần có hướng dẫn rõ ràng về nội hàm của cụm từ "người khác phạm tội mà có". Theo đó, có thể hiểu "người khác phạm tội" là người đã thực hiện hành vi thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội phạm theo quy định của Bộ luật Hình sự, bất kể người đó đã bị xét xử hay chưa, miễn là hành vi phạm tội đã được xác định rõ qua quá trình điều tra, truy tố hoặc đã có bản án có hiệu lực pháp luật. Bên cạnh đó, để bảo đảm việc áp dụng pháp luật được thống nhất và đúng đắn, cần nâng cao trách nhiệm, trình độ chuyên môn, cũng như bản lĩnh chính trị và đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ tố tụng. Mỗi cán bộ tư pháp cần không ngừng trau dồi kiến thức pháp luật, kỹ năng nghiệp vụ. Đồng thời, tăng cường phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc rà soát, đánh giá, thống nhất xử lý các vụ án liên quan đến hành vi chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, đặc biệt trong những vụ án thuộc thẩm quyền của cấp mình.

3. Kết luận

Tóm lại, nguyên nhân của tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có bắt nguồn từ sự tác động qua lại giữa các yếu tố khách quan của môi trường xã hội và đặc điểm chủ quan của người phạm tội. Việc nhận diện đầy đủ vai trò, đặc điểm của từng yếu tố là cơ sở quan trọng để xác định đúng nguyên nhân và điều kiện phạm tội, từ đó xây dựng các giải pháp phòng ngừa và đấu tranh phù hợp, hiệu quả đối với loại tội phạm này trong tiến trình cải cách tư pháp và thực hiện đúng tinh thần "phụng công, thủ pháp, chí công, vô tư". Đây cũng là những ý kiến đóng góp có ý nghĩa trong quá trình ổn định trật tự xã hội, nền tảng phát triển kinh tế.

Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Ngọc Hòa (2021), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam - Phần chung*, NXB Tư pháp, Hà Nội.

[2] Đinh Văn Quế (2003), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự 1999 - Phần các tội phạm* (tập 9), NXB Thành phố Hồ Chí Minh .

[3] Trường Đại học Luật Hà Nội (2020), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam - Phần các tội phạm*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.

[4] Võ Khánh Vinh (chủ biên, 2018), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự* năm 2015 (Phần các tội phạm), NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.

[5] Đỗ Ngọc Quan (2020), *Phân biệt đồng phạm và tội chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*, Tạp chí Luật học, số 3.

[6] Nguyễn Ngọc Hòa (2020), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Phần chung*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.

[7] Nguyễn Minh Đức (2021), *Bình luận khoa học các tội phạm xâm phạm trật tự công cộng*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.